

KINH THUYẾT PHÁP

(Giọng nam xuân)

KINH VĂN

- Trường phở tế khó khăn lắm nổi,
Cây thánh tâm sửa đổi tánh phàm,
Dìu đời với sức không kham,
4. Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.
Đại Từ phụ hồng ân rưới khắp,
Trợ giúp con đặng lập nên công,
Muôn cho thiên hạ đại đồng,
8. Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.
Nguyện lời nói biến hình bác ái,
Nguyện chí thành sửa máy tà gian,
Nguyện cho khí tịnh thần an,
12. Nguyện xin thánh giả hiền đàng chơn tu.
Nguyện các Đấng đương châu Bạch Ngọc,
Giúp thông minh lâu thuộc văn từ,
Cảm quan diêu động tâm tu,
16. Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô.
Nam mô Cao Đài Tiên ông Đại Bồ tát Ma ha tát.
[Đọc ba lần]

CHÚ GIẢI

Thuyết 說: Nói ra để giảng giải, giải thích (to lecture).

Pháp 法: Giáo lý (dharma, teachings).

Thuyết pháp 說法: Nói để giảng giải giáo lý (to preach),

đồng nghĩa với *thuyết đạo*. Kinh thuyết pháp được đọc trước khi bắt đầu một buổi giảng giáo lý. Vì thuyết pháp, đồng nhi và thánh giả cùng đọc kinh.

Nam xuân: Giọng đọc kinh theo làn điệu nhạc lễ truyền thống của dân tộc, nhịp hơi nhanh, biểu thị nét vui tươi, lòng thơ thới. (Còn một giọng khác là *nam ai*, nhịp chậm, biểu thị nét buồn thảm, bi ai. Kinh dùng trong đám tang đều đọc theo giọng nam ai.)

1. Trường phở tế khó khăn lắm nổi,

Trường 場: Nơi chốn, chỗ tụ họp (field, area).

Phở tế 普濟: *Phở* là rộng khắp. *Tế* là qua sông (đồng nghĩa với *độ 渡*). *Tế độ 濟渡* là cứu vớt con người khỏi bể khổ, giống như đưa thuyền đến vớt kẻ chết đuối chờ sang bờ bên kia. Phở tế đồng nghĩa với *phổ độ 普度* (cứu vớt rộng khắp).

2. Cây thánh tâm sửa đổi tánh phàm,

Cây: Nhờ vào, nương dựa vào.

Thánh tâm 聖心: Lòng thanh cao, lương thiện, chơn chánh.

Tánh phàm (phàm tánh 凡性): Tánh trần tục còn nhiều khuyết điểm.

3. Dìu đời với sức không kham,

Dìu đời: Dẫn dắt người đời.

Với sức: Với sức người.

Không kham (bất kham 不堪): Không làm được (unable).

4. Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.

Quyền 權:

- Quyền hạn, quyền hành (right).
- Hành vi quyền biến 權變 tức là cần thiết tạm phải làm do tình thế đòi hỏi (expedient).

Quyền thuyết pháp: Có thể hiểu theo hai nghĩa.

- Việc giảng giáo lý không phải ai cũng tùy tiện làm được. Người giảng giáo lý phải đủ năng lực, đức hạnh, có quá trình tu học, và phải được Ôn Trên (hay hội thánh) cho phép đi giảng.
- Trong việc tu học, hành đạo độ đời, thuyết pháp chỉ là phương tiện tạm mượn.

Cơ quan 機關:

- Cái máy (machine).
- Phương pháp hay phương tiện hoạt động để đạt được mục đích đã định (mechanism).

5. Đại từ phụ hồng ân rưới khắp,

Đại từ phụ 大慈父: Người cha rất hiền. Tức là Đức Chí tôn, Đức Cao Đài, Đức Ngọc Hoàng Thượng đế.

Hồng ân 洪恩: Ôn to tát (của Đức Chí tôn ban cho).

Rưới khắp: Ôn Trời như mưa sa, chan hòa, thấm đều khắp nơi.

6. Trợ giúp con đặng lập nên công,

Lập nên công: Lập nên công quả pháp thí (giảng giáo lý).

7. Muốn cho thiên hạ đại đồng,

Thiên hạ 天下: Dưới trời, chỉ thế gian (the whole world).

Đại đồng 大同: *Đồng là hòa 和.* Đại đồng là cả thế gian cùng sống vui, hòa hiệp với nhau, không tranh cạnh. *Đại đồng chi thế 大同之世* là cõi đời đại đồng.

8. Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.

Dụ 誘: Khuyên dỗ (to entice). Lấy đạo nghĩa khuyên bảo người ta làm thiện. *Thiện dụ 善誘* là khéo léo dẫn dụ, khuyên bảo người khác.

Thương sanh 蒼生: Dân chúng, chúng sanh (common people).

9. Nguyên lời nói biến hình bác ái,

Nguyên 愿(願): Cầu nguyện 求願, mong muốn, ước muốn.

Biến hình 變形: Biến đổi cái trừu tượng trở thành hình tượng cụ thể.

Bác ái 博愛: Lòng thương yêu khắp cả mọi người mọi vật.

10. Nguyên chí thành sửa máy tà gian,

Chí thành 至誠: Thành thật tột cùng, hết sức thành thật.

Tà gian 邪姦: Dối trá, không ngay thẳng.

Máy tà gian: Ám chỉ *cơ tâm 機心* (lòng dạ trí trá) hay âm mưu những việc gian dối hại người.

11. Nguyên cho khí tịnh thân an,

Khí tịnh 氣靜: Hơi thở được điều hòa. (Người thuyết pháp hay diễn thuyết không nên để cho mình bị hồi hộp, hơi thở gấp gáp làm mất bình tĩnh.) Chữ 靜 đọc là *tĩnh* (tranquil: an tĩnh). Phần đông người ta lẫn chữ *tĩnh* 靜 với chữ *tịnh* 淨 (clean: thanh tịnh). Do đó Trung Quốc ngày nay cũng chấp nhận hai chữ này dùng thông với nhau (interchangeable).

Thần an 神安: Tinh thần được ổn định, không bối rối.

Lưu ý: Khí tịnh thần an không chỉ cần cho người giảng mà còn cần cho người nghe. Nhờ khí tịnh thần an, người nghe có thể lắng lòng, tập trung theo dõi và lãnh hội được bài giảng.

12. Nguyên xin thính giả hiểu đàng chơn tu.

Thính giả 聽者: Người nghe thuyết pháp (audience).

Đàng chơn tu 眞修: Đường lối tu hành chơn thật, đúng theo chánh pháp, không lừa dối người đời.

13. Nguyên các Đấng đương châu Bạch Ngọc,

Đương châu Bạch Ngọc (kinh) 當朝白玉(京): Đương châu Đức Chí tôn ở Bạch Ngọc kinh.

14. Giúp thông minh lấu thuộc văn từ,

Lấu thuộc: Thuộc lấu lấu, có thể nói ra trôi chảy.

Văn từ 文詞: Văn chương, chữ nghĩa, thánh ngôn, thánh giáo, giáo lý...

15. Cảm quan diêu động tâm tu,

Cảm quan 感官: Các cơ quan nhận thức của con người (*ngũ quan 五官* the five senses) như mắt, tai, mũi, lưỡi, da (*thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác*: sight, hearing, smell, taste, touch). Trong bài kinh này chủ yếu nói tới hai cơ quan là mắt và tai (thị giác và thính giác).

Lưu ý: Các bản kinh thường in là *cảm quang* 感光. Có người giảng là “sự rung cảm trong lòng làm phát sinh một làn ánh sáng, giống như một làn sóng điện, gọi là làn điện quang”.

Diêu động (Dao động 搖動): Lay động (to shake).

Tâm tu: Cái tâm thức tỉnh biết tìm đường tu hành.

16. Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô.

Cơ 機: Cơ hội.

Khai cơ giải thoát: Mở ra một cơ hội thoát khỏi luân hồi.

Phong đô 豐都: Địa ngục 地獄, âm phủ 陰司, âm ty 陰司 (hell).

Ý NGHĨA BÀI KINH

Công cuộc phổ tế hay phổ độ chúng sanh có nhiều nỗi khó khăn. Con xin nhờ tâm lành trong sạch để sửa đổi tánh tình trần tục.

Biết rằng nếu chỉ cậy vào sức người để dẫn dắt người đời thì không làm được, con xin quyền biến mượn phương tiện thuyết giảng giáo lý để cảm hóa nhân sanh.

Đức Đại từ phụ ban bố ơn to tát khắp hết chúng sanh,

xin hãy giúp con thuyết pháp thành công.

Muốn cho non loại đại đồng thì lấy đề tài cứu khổ thuyết giảng để khuyến dụ dân chúng có lòng lành thương xót đồng loại.

Xin cầu nguyện cho lời giảng đạo có thể cảm hóa người đời để họ có hành vi bác ái cụ thể. Con cầu nguyện đem hết lòng thành thật để sửa đổi những lòng tà gian trá.

Xin cầu nguyện cho cả người giảng và người nghe hơi thở được đều hòa, tinh thần ổn định (nhờ thể bài giảng được trình bày tốt đẹp và người nghe lãnh hội trọn vẹn).

Con nguyện xin người nghe thuyết pháp sẽ hiểu rõ con đường tu hành chơn thật.

Con cầu nguyện với các Đấng Thiêng liêng đang châu Đức Chí tôn ở Bạch Ngọc kinh hãy giúp cho con được sáng suốt để thuộc lòng văn từ (và trình bày bài giảng trôi chảy).

Xin cầu nguyện cho thính giả do tai nghe và mắt thấy mà xúc động trong lòng, khiến họ phát tâm tu hành, nhờ đó họ mở ra cơ hội cho bản thân thoát khỏi luân hồi, không phải sa vào địa ngục.

CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA BÀI KINH

Bài kinh này xác định rằng thuyết pháp là một phương tiện quyền biến trong việc độ đời. Sức cảm hóa của bài giảng không chỉ ở phần trí năng (cái tài) mà còn tùy theo phần công phu tu dưỡng (tâm hạnh) của người thuyết đạo.

Bài kinh cũng hàm ngụ lẽ *Thiên nhân hiệp nhất* 天人合一 (Trời hay Thiêng liêng và con người hòa làm một). Thật vậy, ngoài sự cố gắng của người giảng còn có

sự ban ơn hộ trì của các đấng thiêng liêng, chư thiên hộ pháp.

Hai câu kết bài kinh nên là phương châm cho tất cả những người nhận trách giảng đạo. Tài hùng biện, kiến thức phong phú là yếu tố cần thiết nhưng chưa đủ. Phải có thêm lòng chí thành và tâm đức của người giảng, được bộc lộ ra qua dáng điệu, cử chỉ, gương mặt, giọng nói một cách tự nhiên chứ không phải do đóng kịch (giả tạo). Tất cả những điều mà thính giả tận mắt nhìn, tận tai nghe sẽ làm cho họ xúc động, đồng cảm với người giảng, và liền đó có thể phát tâm lành hướng thiện, muốn bước vào đường tu hành (*Cảm quan điều động tâm tu*). Một khi họ biết tu tức là biết tìm lối thoát ra khỏi cửa địa ngục (*Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô*). Mục đích giảng đạo, thuyết pháp là thế. Sự thành công của bài giảng là thế.

Tóm lại, muốn thuyết pháp có kết quả như hai câu kết bài kinh nêu ra thì người giảng phải *được ơn*.

Muốn được ơn, ngoài sự thường xuyên học hỏi giáo lý, rèn luyện nghệ thuật thuyết trình, người giảng đạo buộc phải có tâm chơn chánh, ý thành thật, không được nuôi lòng tà vạy (*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*). Nghĩa là bản thân người giảng đạo phải xứng đáng để được Trời Phật ban ơn và nhờ vậy lời thuyết pháp có sức màu nhiệm cảm hóa chúng nhân.

Hiểu như vậy, thì trở về câu khai kinh. Rõ ra thuyết pháp không chỉ là cái phương tiện quyền biến (expedient) mà quả thật còn là cái *quyền* (right) – quyền được giảng đạo. Quyền ấy chỉ nên trao cho người xứng đáng.

21-8-2008